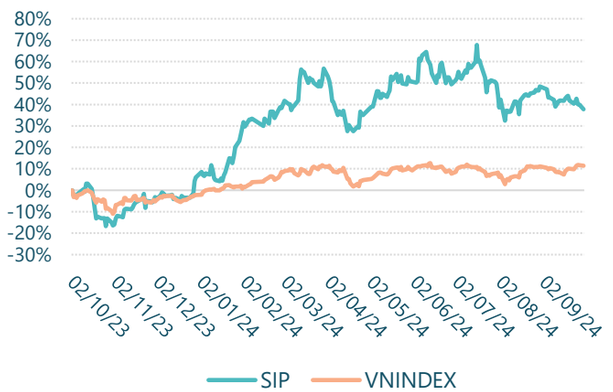
CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HSX: SIP)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	71,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.2%	**-11.2%**	**-8.7%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	43,139 - 86,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	15,032
Số lượng CPLH (CP)	210,533,403
KLGD BQ 20 phiên (CP)	304,310
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.60
EPS	5,635
P/E	12.7

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

1,977

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0 | 2.3%

YoY: ▲ 272 | 16.0%

Nợ/VCSH

Q3/24

417%

YoY: +/-▼ 15.1%

LN gộp

Q3/24

296

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 52.0 | 21.3%

YoY: ▲ 79.0 | 36.4%

ROE (TTM)

Q3/24

27.6%

YoY: +/-▲ 0.8%

LN trước thuế

Q3/24

384

tỷ VNĐ

QoQ: ▼25.0 | -6.1%

YoY: ▲ 136 | 54.8%

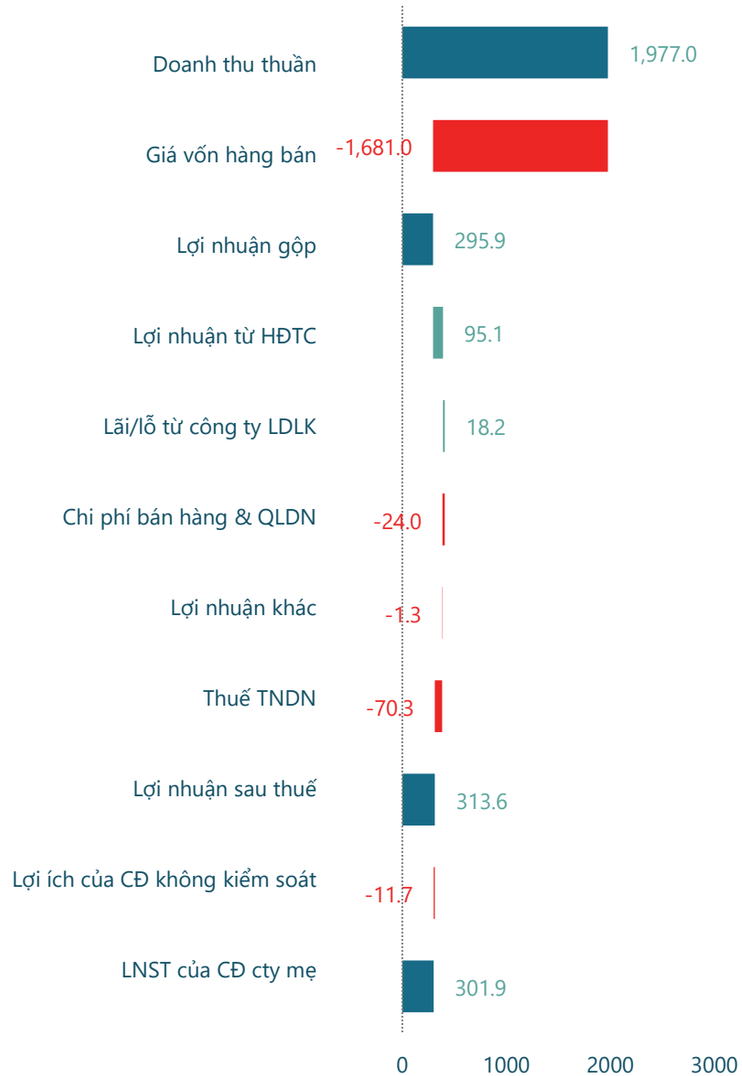
ROA (TTM)

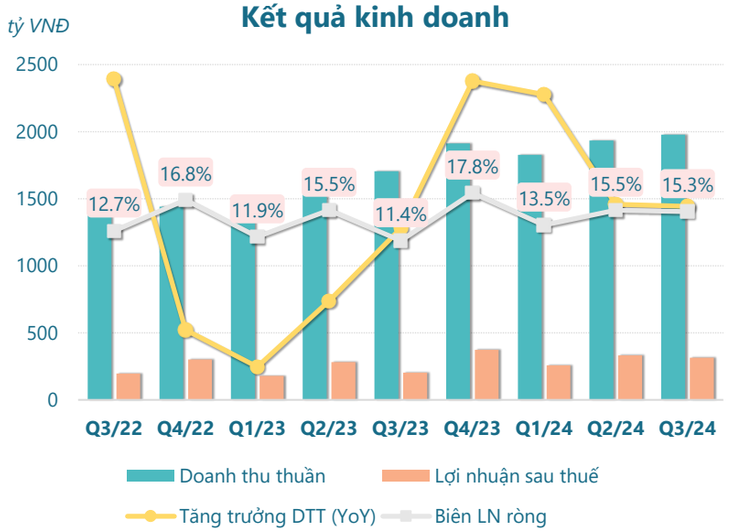
Q3/24

5.3%

YoY: +/-▲ 0.4%

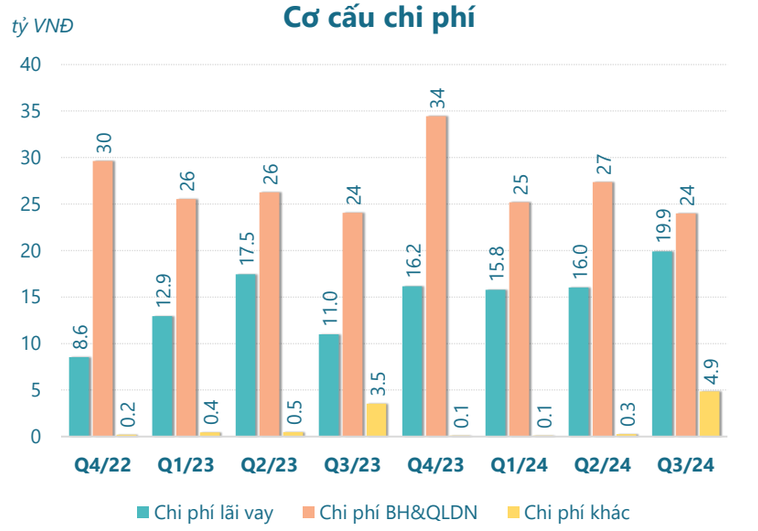
Kết quả kinh doanh Q3/24





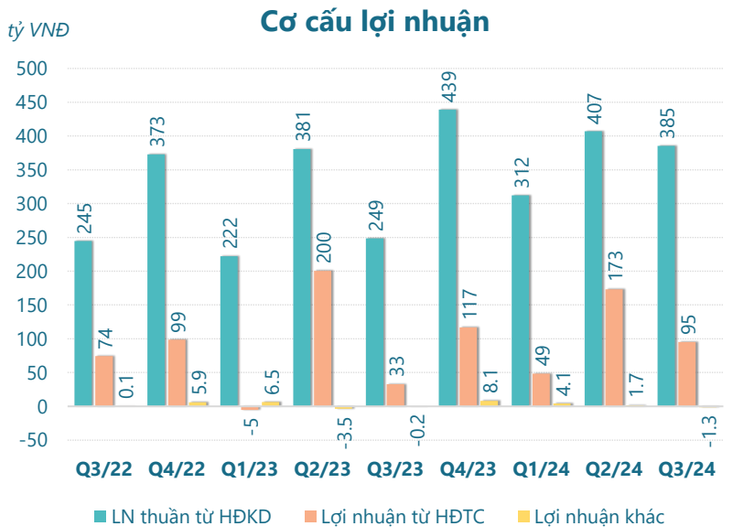
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 385.3 tỷ đồng**, giảm đi 5.36% so với kỳ trước và cao hơn 55.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 95.12 tỷ đồng**, giảm đi 45.1% so với kỳ trước và cao hơn 188% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.34 tỷ đồng** giảm đi 180% so với kỳ trước và giảm đi 1.13 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SIP** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,977 tỷ đồng** tăng thêm **16.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 313.6 tỷ đồng**, **tăng trưởng 54.4%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **5,736 tỷ đồng** cao hơn 20.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 902.0 tỷ đồng** cao hơn 36.0% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **19.92 tỷ đồng** tăng thêm 24.3% so với kỳ trước và cao hơn 80.9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **24.00 tỷ đồng** giảm đi 12.3% so với kỳ trước và thấp hơn 0.21% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **4.86 tỷ đồng** tăng thêm 1844% so với kỳ trước và cao hơn 37.3% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (HSX: SIP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,977**	**1,933**	**2.3%**	**1,705**	**16.0%**	**5,736**	**4,762**	**20.5%**
Giá vốn hàng bán	1,681	1,689	-0.5%	1,487	13.0%	4,924	4,124	19.4%
Lợi nhuận gộp	296	244	21.3%	217	36.4%	812	638	27.3%
Doanh thu HĐTC	135	191	-29.1%	53.2	154%	392	300	30.8%
Chi phí TC	40.2	18.3	120%	20.2	99.3%	75.0	71.3	5.1%
Chi phí lãi vay	19.9	16.0	24.5%	11.0	81.1%	51.7	41.4	25.0%
LN trong công ty LKLD	**18.2**	**17.4**	**4.6%**	**22.2**	**-18.0%**	**51.9**	**61.1**	**-15.1%**
Chi phí bán hàng	3.69	2.84	29.9%	3.50	5.4%	12.8	12.0	6.5%
Chi phí QLDN	**20.3**	**24.5**	**-17.1%**	**20.5**	**-0.9%**	**63.8**	**63.8**	**-0.1%**
LN thuần từ HĐKD	385	407	-5.3%	249	54.7%	1,105	852	29.7%
Lợi nhuận khác	**-1.34**	**1.68**	**-180%**	**-0.21**	**-536%**	**4.43**	**2.81**	**57.3%**
LN trước thuế	384	409	-6.1%	248	54.8%	1,109	854	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	**314**	**331**	**-5.3%**	**203**	**54.5%**	**902**	**663**	**36.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**302**	**299**	**1.0%**	**194**	**55.6%**	**847**	**617**	**37.3%**

